TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS -ST
Ngày: 09/9/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Lê
2. Bà Phan Thị Thúy Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân *khu vực 13- Đắk Lắk* xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T3

Địa chỉ: Tòa nhà T, số E Phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay thuộc Tòa nhà T4, số E Phố L, phường C, thành phố Hà Nội). Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T – Phó Phòng phụ trách Phòng tố tụng xử lý nợ- Trung tâm xử lý nợ 2- Khối xử lý và thu hồi nợ T5 (Theo giấy ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023); Người được ủy quyền lại: Ông Thạch Trung H, sinh năm 1996- Chuyên viên tố tụng, theo giấy ủy quyền số 650/2024/GUQ-TPB.HĐQT ngày 12/6/2024; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc thôn T, xã P, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 (viết tắt Ngân hàng), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại ông Thạch Trung H trình bày: Vào ngày 09/11/2020, Ngân hàng có ký kết 03 Hợp đồng cho ông Nguyễn Đức T1 vay cụ thể theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01, số tiền 780.000.000đ, mục đích vay là mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng, có thế chấp xe ô tô hiệu FORD EVEREST màu xe ghi vàng, biển kiểm soát: 78A-096.98 do ông Nguyễn Đức T1 đứng tên; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, số tiền 30.000.000đ, mục đích vay là thanh toán tiền phí bảo hiểm an tâm tín dụng, thời hạn vay 84 tháng; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/03, số tiền 20.000.000đ, mục đích vay bù đắp tiêu dùng, thời

hạn vay 24 tháng, ngoài ra vào ngày 07/12/2022 Ngân hàng có cho ông T1 vay số tiền 12.000.000đ, mục đích để thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe ôtô, thời hạn 06 tháng. Tuy nhiên, đến ngày 06/3/2023 ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng ông T1 ký kết, đến ngày 08/11/2023, ông T1 đã thánh toán tiền gốc 290.000.000đ và Ngân hàng đã giải chấp trả lại tài sản thế chấp đối với xe ôtô trên cho ông T1 và chuyển sang nợ không có tài sản đảm bảo và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng, sau đó nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung cam kết nên Ngân hàng khởi kiện, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2025) ông T1 đã thanh toán tiền gốc 566.912.847đ, tiền lãi 162.776.945đ, do đó ông T1 còn nợ tổng số tiền 424.014.962đ (trong đó Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01 còn nợ tiền gốc 239.285.722đ, lãi trong hạn 108.487.960đ, lãi quá hạn 7.369.855đ, phạt chậm trả 16.765.532đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, còn nợ tiền gốc 20.301.426đ, lãi trong hạn 4.852.426đ, lãi quá hạn 2.533.590đ, phạt chậm trả 668.874đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/03, còn nợ tiền gốc 7.500.005đ, lãi trong hạn 345.477đ, lãi quá hạn 2.301.530đ, phạt chậm trả 79.431đ; Hợp đồng giải ngân để thanh toán bảo hiểm vật chất xe còn nợ tiền gốc 8.000.000đ, lãi trong hạn 291.945đ, lãi quá hạn 5.160.329đ, phạt chậm trả 70.860đ). Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán bộ các khoản nợ chưa trả nêu trên.

Theo các biên bản xác minh ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk, tại Công an xã P, tỉnh Đắk Lắk và ông Nguyễn Văn T2 (cha đẻ ông T1) cung cấp: Ông T1 có đăng ký nhân khẩu thường trú ở thôn T, xã P, tỉnh Đắk Lắk, T1 hiện nay đang đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ ở đâu, tuy nhiên thỉnh thoảng T1 có liên lạc và về nhà ông T2 chơi. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 không đến Tòa làm việc; không có văn bản trình bày ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa nên tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 số tiền 424.014.962đ (trong đó tiền gốc 275.087.153đ, tiền lãi trong hạn 113.977.808đ, lãi quá hạn 17.365.304đ, phạt chậm trả 17.584.697đ). Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Theo quyết định chuyển hồ sơ của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận (cũ), bị đơn ông Nguyễn Đức T1 có nhân khẩu thường trú hiện tại thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay thuộc thôn T, xã P, tỉnh Đắk Lắk). Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Toà án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

[**2] Về nội dung vụ án:** Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa bên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Đức T1 phải trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2025) với số tiền 424.014.962đ (Trong đó tiền gốc 275.087.153đ, tiền lãi trong hạn 113.977.808đ, lãi quá hạn 17.365.304đ, phạt chậm trả 17.584.697đ). Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01 còn nợ tiền gốc 239.285.722đ, lãi trong hạn 108.487.960đ, lãi quá hạn 7.369.855đ, phạt chậm trả 16.765.532đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, còn nợ tiền gốc 20.301.426đ, lãi trong hạn 4.852.426đ, lãi quá hạn 2.533.590đ, phạt chậm trả 668.874đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/03, còn nợ tiền gốc 7.500.005đ, lãi trong hạn 345.477đ, lãi quá hạn 2.301.530đ, phạt chậm trả 79.431đ); Hợp đồng giải ngân để thanh toán bảo hiểm vật chất xe còn nợ tiền gốc 8.000.000đ, lãi trong hạn 291.945đ, lãi quá hạn 5.160.329đ, phạt chậm trả 70.860đ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng ông T1 có diễn ra giao dịch vay tiền là có thật và hiện nay ông T1 còn nợ tiền Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đều có chữ ký của ông T1, theo đó Ngân hàng đã phê duyệt hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01, số tiền 780.000.000đ, có thế chấp xe ô tô hiệu FORD EVEREST, biển kiểm soát: 78A-096.98 do ông Nguyễn Đức T1 đứng tên; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, số tiền 30.000.000đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/03, số tiền 20.000.000đ. Ngoài ra, Ngân hàng có cho ông T1 vay số tiền 12.000.000đ, mục đích để thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe ôtô, tính đến ngày 08/11/2023 ông T1 đã trả cho Ngân hàng 566.912.847đ tiền gốc và 162.776.945đ tiền lãi nên Ngân hàng đã giải chấp trả lại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu FORD EVEREST, biển kiểm soát: 78A-096.98 cho ông T1, tuy nhiên sau đó ông T1 ngưng trả nợ nên ngân hàng khởi kiện. Đối với bị đơn ông T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ, nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ nêu trên.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2025) ông T1 còn nợ tiền theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01 số tiền gốc 239.285.722đ, lãi trong hạn 108.487.960đ, lãi quá hạn 7.369.855đ, phạt chậm trả 16.765.532đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, số tiền gốc 20.301.426đ, lãi trong hạn 4.852.426đ, lãi quá hạn 2.533.590đ, phạt chậm trả 668.874đ; Hợp đồng cho vay số

303/2020/HĐTD/NTG/03, còn nợ tiền gốc 7.500.005đ, lãi trong hạn 345.477đ, lãi quá hạn 2.301.530đ, phạt chậm trả 79.431đ gốc; Hợp đồng giải ngân để thanh toán bảo hiểm vật chất xe còn nợ tiền gốc 8.000.000đ, lãi trong hạn 291.945đ, lãi quá hạn 5.160.329đ, phạt chậm trả 70.860đ. Xét thấy, yêu cầu tính lãi trên của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 20.960.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (20.000.000đ + 24.014.962đ x 4%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 số tiền 424.014.962đ *(Bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười bốn nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng)* (trong đó tiền gốc 275.087.153đ, tiền lãi trong hạn 113.977.808đ, lãi quá hạn 17.365.304đ, phạt chậm trả 17.584.697đ), cụ thể theo các hợp đồng như sau: Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 303/2020/HĐTD/NTG/01, tiền nợ gốc 239.285.722đ, lãi trong hạn 108.487.960đ, lãi quá hạn 7.369.855đ, phạt chậm trả 16.765.532đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/02, tiền nợ gốc 20.301.426đ, lãi trong hạn 4.852.426đ, lãi quá hạn 2.533.590đ, phạt chậm trả 668.874đ; Hợp đồng cho vay số 303/2020/HĐTD/NTG/03, tiền nợ gốc 7.500.005đđ, lãi trong hạn 345.477đ, lãi quá hạn 2.301.530đ, phạt chậm trả 79.431đ; Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe, tiền nợ gốc 8.000.000đ, lãi trong hạn 291.945đ, lãi quá hạn 5.160.329đ, phạt chậm trả 70.860đ) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2025, ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 20.960.000đ *(Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 số tiền tạm ứng án phí 9.101.000đ *(Chín triệu một trăm lẻ một nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003020 ngày 06/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận (Nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5- Khánh Hòa).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 13-Đắk Lắk;
- P.THADS Khu vực 13- Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn